

Số: 368 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều kiện và mức học bổng học kỳ II năm học 2013 - 2014
cho sinh viên đại học chính quy khóa 64**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/03/2002 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập;

Căn cứ thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT/BLĐTBXH-BGD&ĐT-BTC ngày 20/11/2006 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ;

Căn cứ thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT/BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/04/2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào thông tư số 20/2014/ TTLT-BGDĐT- BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP;

Căn cứ quyết định số 509/QĐ-DHN ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Dược Hà Nội về việc quy định mức thu học phí, kinh phí đào tạo đối với học viên sau đại học, sinh viên đại học và cao đẳng năm học 2013-2014;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét học bổng, học phí, trợ cấp khó khăn ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các sinh viên khóa 64 được cấp học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) học kỳ II năm học 2013-2014 là các sinh viên có điểm rèn luyện từ mức khá

trở lên, không bị kỷ luật trong học kỳ II năm học 2013-2014 và không còn học phần lần 1 chưa đạt, đồng thời có điểm trung bình học tập lần 1 (thang điểm 10) của học kỳ I năm học 2013-2014 từ 8,75 trở lên:

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2013-2014 được quy định như sau:

- Loại khá: 685.000đ/tháng.
- Loại giỏi: 785.000đ/tháng.
- Loại xuất sắc: 885.000đ/tháng.

Điều 3. Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi theo Nghị định 28/CP của Chính phủ, nhận trợ cấp ưu đãi tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

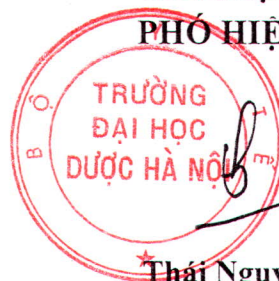
Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, diện trợ cấp xã hội, diện chính sách ưu đãi nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập thì được xét, cấp HBKKHT như những sinh viên khác.

Điều 4. Trưởng các phòng QLSV, ĐT, TCKT và sinh viên khóa 64 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ban giám hiệu;
- Các lớp K64;
- Niêm yết, website;
- Lưu: QLSV, TCKT, VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Thái Nguyễn Hùng Thu

DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP SINH VIÊN KHÓA 64

Học kỳ II, năm học 2013 - 2014

(kèm theo quyết định số 368 /QĐ-DHN ngày 18 tháng 6 năm 2014)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp thi trượt lần 1	ĐRL	Loại học	Mức học bổng (đ/tháng)
1	0901610	Phạm Hải Yến	A1K64	8.91	0	88	Giỏi	785,000
2	0901016	Phạm Kim Anh	A2K64	8.82	0	87	Giỏi	785,000
3	0901046	Phạm Thị Chính	A2K64	8.82	0	90	Giỏi	785,000
4	0901157	Nguyễn Thị Hiền	A2K64	8.82	0	90	Giỏi	785,000
5	0901169	Nguyễn Tiến Hiệp	A2K64	8.82	0	97	Giỏi	785,000
6	0901312	Phạm Thị Mai	A2K64	8.82	0	87	Giỏi	785,000
7	0901452	Dương Dạ Thảo	A2K64	8.82	0	92	Giỏi	785,000
8	0901344	Phan Thị Thanh Nga	A3K64	9.00	0	97	Xuất sắc	885,000
9	0901523	Lê Thị Huyền Trang	A3K64	9.00	0	98	Xuất sắc	885,000
10	0901090	Đinh Xuân Đại	A4K64	9.09	0	95	Xuất sắc	885,000
11	0901408	Quản Duy Quang	A4K64	9.09	0	96	Xuất sắc	885,000
12	0901460	Phạm Phương Thảo	A4K64	8.82	0	93	Giỏi	785,000
13	0901526	Nguyễn Thị Trang	A4K64	9.09	0	96	Xuất sắc	885,000
14	0901070	Đoàn Hạnh Dung	M1K64	9.40	0	90	Xuất sắc	885,000
15	0901076	Nguyễn Duy	M1K64	9.00	0	90	Xuất sắc	885,000
16	0901081	Nguyễn Thuý Dương	M1K64	9.30	0	90	Xuất sắc	885,000
17	0901109	Phạm Thị Linh Giang	M1K64	9.40	0	100	Xuất sắc	885,000
18	0901153	Bùi Thị Thu Hiền	M1K64	8.80	0	90	Giỏi	785,000
19	0901180	Vũ Thị Hoà	M1K64	9.50	0	90	Xuất sắc	885,000
20	0901193	Mai Thị Huế	M1K64	8.80	0	90	Giỏi	785,000
21	0901202	Hà Thị Thanh Huyền	M1K64	9.40	0	98	Xuất sắc	885,000
22	0901220	Lưu Thị Hương	M1K64	8.90	0	84	Giỏi	785,000
23	0901222	Nguyễn Mai Hương	M1K64	9.20	0	88	Giỏi	785,000
24	0901282	Trần Thị Loan	M1K64	9.20	0	87	Giỏi	785,000
25	0901341	Hoàng Thị Thanh Nga	M1K64	8.80	0	90	Giỏi	785,000
26	0901424	Tô Ngọc Sắc	M1K64	9.00	0	98	Xuất sắc	885,000
27	0901503	Nguyễn Thị Phương Thùy	M1K64	9.20	0	90	Xuất sắc	885,000
28	0901529	Nguyễn Thị Thu Trang	M1K64	8.80	0	90	Giỏi	785,000
29	0901012	Mai Thị Lan Anh	N1K64	9.25	0	89	Giỏi	785,000
30	0901023	Vũ Thị Vân Anh	N1K64	9.00	0	95	Xuất sắc	885,000
31	0901093	Lê Thị Diễm	N1K64	9.08	0	87	Giỏi	785,000
32	0901107	Nguyễn Thuý Giang	N1K64	8.92	0	98	Giỏi	785,000
33	0901145	Lê Thị Minh Hằng	N1K64	9.08	0	87	Giỏi	785,000
34	0901150	Lê Thị Thu Hậu	N1K64	9.17	0	95	Xuất sắc	885,000
35	0901181	Lê Thị Hoài	N1K64	9.00	0	91	Xuất sắc	885,000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp thi trượt lần 1	ĐRL	Loại học	Mức học bổng (đ/tháng)
36	0901182	Nguyễn Thị Thu Hoài	N1K64	9.67	0	99	Xuất sắc	885,000
37	0901204	Nguyễn Thị Thanh Huyền	N1K64	8.75	0	93	Giỏi	785,000
38	0901291	Phạm Thị Thanh Lương	N1K64	9.08	0	90	Xuất sắc	885,000
39	0901296	Nguyễn Khánh Ly	N1K64	9.25	0	100	Xuất sắc	885,000
40	0901304	Cao Thanh Mai	N1K64	8.92	0	87	Giỏi	785,000
41	0901322	Hoàng Thị Minh	N1K64	8.75	0	87	Giỏi	785,000
42	0901326	Nguyễn Nguyệt Minh	N1K64	8.75	0	87	Giỏi	785,000
43	0901356	Nguyễn Thị Bích Ngọc	N1K64	8.83	0	96	Giỏi	785,000
44	0901457	Ngô Thị Thanh Thảo	N1K64	8.75	0	88	Giỏi	785,000
45	0901470	Võ Tất Thắng	N1K64	9.17	0	90	Xuất sắc	885,000
46	0901490	Phạm Thị Thu	N1K64	9.00	0	90	Xuất sắc	885,000
47	0901499	Trần Thị Thu Thủy	N1K64	8.83	0	87	Giỏi	785,000
48	0901513	Lê Thị Tình	N1K64	8.75	0	89	Giỏi	785,000
49	0901538	Đặng Thu Trà	N1K64	8.83	0	89	Giỏi	785,000
50	0901540	Lê Doãn Trí	N1K64	9.25	0	96	Xuất sắc	885,000
51	0901597	Võ Thị Anh Vũ	N1K64	8.92	0	95	Giỏi	785,000
52	0901608	Nguyễn Thị Hải Yến	N1K64	8.75	0	87	Giỏi	785,000
Tổng								43,020,000



Thái Nguyễn Hùng Thu